| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**KHU VỰC 9**<br>THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 2433/2025/DS-ST
Ngày: 30-9-2025
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Ngọc Hạnh

*Các Hội thẩm nhân dân:*
1/ Bà Trần Thị Kim Anh;
2/ Ông Nguyễn Hữu Trí.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Trịnh Thị Thanh Hương - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 9 - Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 9 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà:*** Bà Hồ Thị Vân - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 28 tháng 8, ngày 11, ngày 23 và ngày 30 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 9, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 402/2025/TLST-DS ngày 26 tháng 5 năm 2025, về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 360/2025/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 7 năm 2025 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 35/2025/QĐST-DS ngày 11/9/2025 và số 42/2025/QĐST-DS ngày 23/9/2025, giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Bà Trần H N, sinh năm: 19xx
Địa chỉ: 730/1/9 H, phường B, quận T (nay là phường B), Thành phố M. Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn H G, sinh năm 19xx. Địa chỉ: 110 C, phường N, Thành phố M. (Có mặt)
Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Nguyễn A T – Văn phòng Luật sư T1 – Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. (Có mặt)

*2. Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị N L, sinh năm: 19xx
Địa chỉ: 730/1/4A H1, phường B1, quận T1 (nay là phường B1), Thành phố M. (Có mặt)

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện nộp cho Tòa án và quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn Bà Trần H N và đại diện trình bày:*

Bà Trần H N và Bà Nguyễn Thị N L trước đây cùng làm chung công ty đường sắt và có quen biết nhau. Trong thời gian hai bên quen biết, bà L thường hay

chia sẻ với bà N về việc làm ăn kinh tế của bà đang gặp khó khăn nên chủ động đề nghị bà N cho vay tiền . Tổng các lần bà N chuyển cho bà L như sau: Ngày 01/06/2024 bà N chuyển khoản cho bà L mượn số tiền 100.000.000 đồng; Ngày 14/09/2024 bà N chuyển khoản vay cho bà L 200.000.000 đồng; Ngày 30/11/2024 bà N chuyển khoản cho bà L mượn số tiền 50.000.000 đồng. Tổng số tiền của 03 lần chuyển khoản là 350.000.000 đồng, vay không có lãi, thời hạn trả là theo Thông báo trả nợ ngày 28/4/2025.

Ngày 24/02/2025 bà N cho bà L vay số tiền 350.000.000 đồng, bằng tiền mặt, vay không có lãi thông qua hợp đồng công chứng số 001607 do Văn phòng công chứng X chứng nhận. Hai bên giao nhận bằng tiền mặt số tiền 350.000.000 đồng. Tổng số tiền bà L đã nhận là 700.000.000 đồng (tổng của cả 3 lần chuyển khoản và tiền mặt theo hợp đồng).

Theo hợp đồng vay tiền ngày 24/02/2025, thời hạn trả tiền chia làm nhiều đợt, bắt đầu từ ngày 31/03/2025, nhưng đã quá thời hạn bà L vẫn không trả tiền cho bà N, mặc dù bà N đã nhiều lần gọi điện thoại và nhắn tin yêu cầu bà L trả tiền. Ngày 28/04/2025 bà N đã gửi thông báo yêu cầu trả toàn bộ số tiền nợ tới bà L qua đường bưu điện.

Do đó, bà N khởi kiện yêu cầu: buộc Bà Nguyễn Thị N L phải trả cho bà N số tiền là 700.000.000 đồng và lãi chậm thanh toán 10%/năm, kể từ ngày nộp đơn 06/05/2025 đến khi xét xử. Buộc Bà Nguyễn Thị N L trả tiền nợ gốc và lãi cho bà N một lần ngay khi bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra bà N còn cho bà L vay những khoản vay khác, tổng cộng số tiền là 859.000.000 đồng, bà L đã trả 159.000.000 đồng, còn lại 700.000.000 đồng.

Án phí sơ thẩm: đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định.

*Bị đơn bà Nguyễn Thị N L trình bày:*

Bà L xác nhận có vay tiền của Bà Trần H N, tuy nhiên số tiền vay không đúng với số tiền theo đơn kiện của bà N. Thực tế bà L chỉ vay của bà N số tiền tổng cộng là 350.000.000 đồng, gồm 3 lệnh chuyển khoản: ngày 01/6/2024 chuyển khoản 100.000.000 đồng, lãi suất vay 6%/tháng; ngày 14/8/2024 chuyển khoản 50.000.000 đồng, lãi suất vay 6%/tháng; ngày 14/9/2024 chuyển khoản 200.000.000 đồng, lãi suất vay 5%/tháng.

Lãi suất này do hai bên thỏa thuận, không được lập thành văn bản. Bà L đã thực hiện nghĩa vụ trả lãi từ tháng 6/2024 đến hết tháng 02/2025 và không còn khả năng đóng tiếp (chi tiết đã liệt kê trong bản tự khai ngày 30/6/2025). Đến tháng 02/2025, vì tình hình kinh tế khó khăn nên bà L đề nghị miễn lãi, chia gốc trả hàng tháng. Để hợp thức hóa giấy tờ làm căn cứ pháp lý cho bà N an tâm, bà L đã ký vào hợp đồng công chứng số 001607 ngày 24/02/2025, ghi nhận khoản nợ bà L còn nợ bà N tính đến ngày 24/02/2025 là 350.000.000 đồng, thực tế bà L không có nhận tiền. Bằng chứng là các đoạn ghi âm bà L cung cấp cho Tòa án.

Tổng số tiền lãi bà đã trả cho bà N là 121.000.000 đồng. Số tiền lãi này bà yêu cầu tính lại theo đúng quy định pháp luật là 20%/năm, còn phần đã trả vượt quá thì đề nghị trừ vào gốc.

Đối với nợ gốc còn lại bà L đề nghị được trả từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng/tháng cho đến khi trả hết và đề nghị không tiếp tục tính lãi.

Án phí sơ thẩm: đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định.

Tại phiên tòa:

- Các đương sự không thoả thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

*- Ý kiến trình bày của nguyên đơn:*

Tại phiên tòa bà N xác định là đoạn ghi âm bà L cung cấp là giọng của bà N. Tuy nhiên, do bà và bà L trao đổi rất nhiều nội dung nên bà không khẳng định những nội dung bà L đưa ra trong đoạn ghi âm nộp cho Tòa án là xác nhận tổng số bà L nợ là 350.000.000 đồng, số tiền 350.000.000 đồng có nói đến trong đoạn ghi âm theo bà là số tiền vay theo hợp đồng công chứng.

Bà N khẳng định bà cho bà L vay và đến nay thì bà L nợ bà 02 khoản tiền tổng là 700.000.000 đồng. Việc bà L nói chỉ vay là 350.000.000 đồng là không đúng. Vì ngoài số tiền 350.000.000 đồng của 03 lần chuyển khoản: ngày 01/6/2024 chuyển khoản 100.000.000 đồng, ngày 14/8/2024 chuyển khoản 50.000.000 đồng; ngày 14/9/2024 chuyển khoản 200.000.000 đồng. Thì bà L còn vay của bà 350.000.000 đồng theo hợp đồng công chứng, số tiền này bà N đã giao tiền mặt cho bà L tại phòng công chứng, ngay sau khi hai bên ký hợp đồng công chứng ngày 24/02/2025.

Nguyên đơn xác định lại số tiền vay tính đến thời điểm xét xử là 700.000.000 đồng, nguyên đơn cũng xác nhận các khoản vay không tính lãi, nhưng bị đơn trả lãi thì nguyên đơn đồng ý tính lãi theo quy định là 20%/năm. Số tiền bà L trả dư bà đồng ý trừ vào tiền gốc. Số tiền mà bà L đã trả tính đến ngày 30/9/2025 là 121.000.000 đồng.

Tính đến ngày 30/9/2025 số tiền lãi mà bà L phải trả bà N đối với khoản tiền 350.000.000 đồng chuyển khoản là 76.660.000 đồng; khoản vay 350.000.000 đồng theo hợp đồng công chứng (lãi là 10%/năm) là 5.834.500 đồng. Tổng cộng tiền lãi bà L phải trả là: 82.494.500 đồng.

Như vậy, bà L đã trả lãi cho bà N dư 38.505.500 đồng (121.000.000 đồng - 82.494.500 đồng = 38.505.500 đồng).

Do tại phiên tòa nguyên đơn xác định lại số nợ gốc còn lại là 700.000.000 đồng (không phải là 699.000.000 đồng). Nên nguyên đơn bà N yêu cầu bà L trả số tiền gốc là 661.494.500 đồng (700.000.000đồng - 38.505.500đồng = 661.494.500 đồng). Yêu cầu trả ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật, yêu cầu tính lãi chậm trả theo quy định pháp luật.

*- Ý kiến trình bày của bị đơn:*

Bị đơn Bà Nguyễn Thị N L vẫn giữ nguyên ý kiến như đã trình bày, bị đơn chỉ xác nhận còn nợ bà N 350.000.000 đồng là khoản theo các lần chuyển khoản của bà N. Số tiền 350.000.000 đồng tại hợp đồng công chứng là hợp thức hóa của số tiền 350.000.000 đồng theo 03 lần chuyển khoản vào ngày 01/6/2024 chuyển khoản 100.000.000 đồng, ngày 14/8/2024 chuyển khoản 50.000.000 đồng; ngày 14/9/2024 chuyển khoản 200.000.000 đồng. Việc bị đơn ghi đã nhận đủ tiền là số tiền 350.000.000 đồng vào mặt sau hợp đồng vay tiền là số tiền đã nhận theo các lần chuyển khoản trước đây, thực tế bị đơn không có nhận tiền từ hợp đồng vay tại phòng công chứng. Điều này thể hiện tại các đoạn ghi âm bà nộp cho Tòa án được Thừa phát lại lập vi bằng.

Bị đơn cũng thống nhất xác nhận là đã trả cho bà N 121.000.000 đồng, nhưng đó là tiền lãi. Các khoản vay tuy không có văn bản thỏa thuận lãi nhưng có thỏa thuận miệng, lãi cụ thể như trình bày và sao kê bà đã nộp cho Tòa án.

Bị đơn cũng đồng ý trả lãi theo mức lãi suất 20%/năm đối với khoản vay 350.000.000 đồng, số tiền bà trả lãi vượt 20%/năm đề nghị được trừ vào nợ gốc.

- *Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn:* thống nhất với yêu cầu và ý kiến trình bày của nguyên đơn.

- *Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 9 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:*

Về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về: Thụ lý vụ án, xác định thẩm quyền, quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định đúng tư cách pháp lý của những người tham gia tố tụng, xác minh thu thập chứng cứ, Thông báo tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải, tống đạt các văn bản tố tụng cho đương sự và các thủ tục tố tụng tại phiên tòa. Thời hạn xét xử đảm bảo.

Đương sự: thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:

- Đối với khoản vay 350.000.000 đồng theo các lần chuyển khoản ngày 01/06/2024, ngày 14/08/2024 và ngày 14/09/2024, mặc dù không được lập thành văn bản nhưng có sao kê chuyển khoản và được các bên thừa nhận. Nên có cơ sở xác định giữa nguyên đơn và bị đơn có tồn tại quan hệ vay mượn tiền.

Theo trình bày của nguyên đơn, thì các khoản tiền nêu trên không tính lãi. Tuy nhiên, theo trình bày của bị đơn và Bảng sao kê chi tiết tài khoản Ngân hàng do bị đơn cung cấp thể hiện trong quá trình vay, thực tế bà L có trả lãi cho bà N với tổng số tiền là 121.000.000 đồng, cụ thể: đối với 02 khoản vay 100.000.000 đồng ngày 01/6/2024 và 50.000.000 đồng ngày 14/8/2024 thì lãi suất 6%/tháng; khoản vay 200.000.000 đồng ngày 14/9/2024 lãi suất 5%/tháng. Tổng tiền lãi tính đến ngày 30/09/2025 của 3 khoản vay trên là 76.660.000 đồng.

Theo đơn khởi kiện thì nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lãi 10%/năm.Tuy nhiên, tại phiên toà, cả nguyên đơn và bị đơn đều thống nhất lãi suất là 20%/năm. Sau khi cấn trừ thì số tiền lãi mà bị đơn đã trả còn dư là 44.340.000 đồng. Số tiền này nguyên đơn và bị đơn thống nhất cấn trừ vào nợ gốc 350.000.000 đồng mà bị đơn đã vay. Như vậy, bị đơn còn phải trả cho nguyên đơn số tiền gốc là 305.660.000 đồng.

- Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả số tiền nợ gốc 350.000.000 đồng của Hợp đồng vay tiền ngày 24/02/2025, bị đơn không thừa nhận.

Nguyên đơn khai hai bên ký hợp đồng vay tiền vào ngày 24/02/2025 và giao nhận tiền vào buổi chiều cùng ngày tại phòng công chứng. Tuy nhiên, theo nội dung ghi âm được lập thành vi bằng có thời lượng 06 phút 37 giây ngày 24/02/2025, những nội dung trao đổi qua lại giữa nguyên đơn và bị đơn thể hiện nguyên đơn yêu cầu bị đơn viết giấy xác nhận để hợp thức hoá khoản vay cho 3 lần chuyển khoản trước đó. Như vậy, lời khai của nguyên đơn có sự mâu thuẫn với nhau, thực chất số tiền 350.000.000 đồng theo giấy vay tiền ngày 24/02/2025 là để

hợp thức hoá cho 3 lệnh chuyển khoản mà bị đơn đã vay của nguyên đơn nên không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả lại số tiền gốc và lãi theo Hợp đồng vay tiền ngày 24/02/2025.

Căn cứ Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, Điều 9 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, đề nghị: chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc Bà Nguyễn Thị N L phải trả cho Bà Trần H N tiền nợ gốc 305.660.000 đồng. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc Bà Nguyễn Thị N L phải trả cho Bà Trần H N tiền nợ gốc 350.000.000 đồng và tiền lãi 5.834.500 đồng theo hợp đồng ngày 24/02/2025.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn Bà Trần H N khởi kiện yêu cầu bị đơn Bà Nguyễn Thị N L trả số tiền vay. Bị đơn là Bà Nguyễn Thị N L có địa chỉ cư trú tại phường B1, Thành phố M nên đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 9 - Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2025.

[2] Về yêu cầu của các đương sự: Nguyên đơn Bà Trần H N yêu cầu Bà Nguyễn Thị N L trả số tiền vay 700.000.000 đồng, gồm khoản vay 350.000.000 đồng của 03 lần chuyển khoản vào các ngày 01/06/2024 số tiền 100.000.000 đồng, ngày 14/09/2024 số tiền 200.000.000 đồng, ngày 14/8/2024 số tiền 50.000.000 đồng và 350.000.000 đồng theo Hợp đồng vay tiền lập ngày 24/02/2025 số công chứng số 001607 tại Văn phòng công chứng X. Hội đồng xét xử xét thấy.

- Khoản vay 350.000.000 đồng thực hiện thông qua hình thức chuyển khoản, được nguyên đơn bà N và bị đơn bà L thừa nhận, nên có cơ sở xác định bà L vay của bà N số tiền 350.000.000 đồng.

- Yêu cầu đối với 350.000.000 đồng theo Hợp đồng vay tiền lập ngày 24/02/2025, số công chứng số 001607 tại Văn phòng công chứng X của bà N thì bà L không thừa nhận, quá trình giải quyết vụ án bà L có cung cấp các file ghi âm trao đổi giữa bà L và bà N, trong đó có file ghi âm tại Hẻm 730/1 H, ngày 24/02/2025 thời lượng 3 phút 13 giây (được Văn phòng Thừa phát lại quận T lập Vi bằng vào ngày 12/9/2025, số 366/2025/VB-TPL). Nội dung của đoạn ghi âm như sau:

“. . . Chị với em đi ra đặt taxi, chị chở em ra công chứng ký luôn, để không phải lăng tăng gì hết . . . Viết đơn giản thôi: . . . tôi mượn số tiền của chị Trần Hậu Nghĩa để xoay sở và tôi cam kết ngày đó tháng đó tui trả - trả đủ tiền cho chị. Số tiền đó như vậy đi: ba trăm năm mươi triệu - cắt hết. Tôi chịu trách nhiệm trước pháp luật về cái hành vi nếu tôi không thực hiện đúng, thỏa thuận vậy thôi.” và “ riêng cái lãi tháng 3 đó coi như chị sẽ bỏ tiền túi ra chị cho em . . . còn riêng tháng 01 tháng 02 em trả đủ cho chị như chị đã thỏa thuận với em . . .”

Tại phiên tòa bà N xác nhận đoạn ghi âm trên (giọng nữ 1) là của bà. Bà N cũng xác nhận số tiền 350.000.000 đồng nhắc đến trong đoạn ghi âm là số tiền vay theo Hợp đồng vay tiền lập ngày 24/02/2025 tại Văn phòng công chứng X. Số tiền này bà N giao tiền mặt cho bà L tại Văn phòng công chứng ngay sau khi hai bên ký hợp đồng công chứng. Tuy nhiên, theo nội dung đoạn ghi âm thì bà N yêu cầu bà L ra văn phòng công chứng ký xác nhận là có vay tiền của bà N, số tiền 350.000.000 đồng, thời gian vay thời gian trả và số tiền lãi phải trả. Thời gian ký hợp đồng vay tiền tại Văn phòng công chứng bà N và bà L đều xác nhận diễn ra sau thời gian ghi âm trên.

Như vậy, theo nội dung trao đổi trên thì số tiền 350.000.000 đồng này, bà N đã cho bà L vay trước khi công chứng hợp đồng vay, chứ không phải tại văn phòng công chứng như bà N trình bày.

Ngoài ra, theo đoạn ghi âm trên và những đoạn ghi âm khác do bà L cung cấp theo Vi bằng (được bà N xác nhận) thì hai bên có rất nhiều cuộc trao đổi căng thẳng với nhau về việc bà N yêu cầu bà L ký giấy xác nhận nợ, thời gian trả, nhưng bà L vẫn chưa thực hiện, thì không có lý do gì ngay sau đó bà N lại tiếp tục cho bà L vay số tiền đúng với số tiền mà bà L đang nợ bà N tại văn phòng công chứng, số tiền bà N cho bà L vay không có bất cứ giấy tờ giao nhận tiền nào, trong khi giữa hai bên có thời gian vay mượn với nhau rất nhiều lần, tất cả các khoản tiền bà N cho bà L vay cũng như tiền lãi mà bà L trả cho bà N đều thông qua chuyển khoản.

Từ những căn cứ trên, có cơ sở xác định không có việc bà N cho bà L vay số tiền 350.000.000 đồng theo Hợp đồng vay tiền lập ngày 24/02/2025, số công chứng số 001607 tại Văn phòng công chứng X. Do đó, không có cơ sở chấp nhận yêu cầu của Bà Trần H N buộc Bà Nguyễn Thị N L trả cho bà số tiền 350.000.000 đồng theo Hợp đồng vay tiền lập ngày 24/02/2025.

*Đối với yêu cầu tính lãi suất:* Theo đơn khởi kiện thì nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lãi chậm thanh toán là 10%/năm kể từ ngày nộp đơn khởi kiện ngày 06/5/2025. Căn cứ vào các giấy vay tiền thì hai bên không thỏa thuận về lãi suất, nhưng theo bị đơn thì số tiền vay trên hai bên có thỏa thuận lãi cụ thể từng khoản vay thể hiện qua Bảng sao kê chi tiết tài khoản Ngân hàng do bị đơn cung cấp, như sau:

- Đối với khoản vay 100.000.000 đồng ngày 01/6/2024, bà L trả cho bà N tiền lãi với lãi suất 6%/tháng từ tháng 6/2024 đến tháng 02/2025 với tổng số tiền là 48.000.000 đồng;

- Đối với khoản vay 50.000.000 đồng ngày 14/8/2024, bà L trả cho bà N tiền lãi với lãi suất 6%/tháng từ tháng 9/2024 đến tháng 02/2025 với tổng số tiền là 18.000.000 đồng;

- Đối với khoản vay 200.000.000 đồng ngày 14/9/2024, bà L trả cho bà N tiền lãi với lãi suất 5%/tháng từ tháng 10/2024 đến tháng 4/2025 với tổng số tiền là 55.000.000 đồng.

Bị đơn đã trả lãi của 3 khoản vay trên cho nguyên đơn tổng cộng là 121.000.000 đồng theo đúng thỏa thuận.

Tuy nhiên, do khoản lãi trên vượt mức lãi suất theo quy định của pháp luật, nên tại phiên tòa nguyên đơn và bị đơn đồng ý thỏa thuận lại mức lãi suất là

20%/năm kể từ ngày bị đơn nhận được tiền vay, số tiền lãi vượt mức lãi suất quy định nguyên đơn và bị đơn đồng ý trừ vào số nợ gốc. Thỏa thuận này phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

Tính đến ngày xét xử sơ thẩm 30/9/2025 số tiền lãi của khoản vay 350.000.000 đồng theo hợp đồng công chứng (lãi suất 10%/năm), được tính là 5.834.500 đồng; số tiền lãi đối với khoản vay 350.000.000 đồng chuyển khoản (lãi suất 20%/năm) là 79.742.000đồng. Tuy nhiên, bà N chỉ yêu cầu bà L trả số tiền lãi là 76.660.000 đồng. Yêu cầu này có lợi cho bị đơn nên chấp nhận.

Do chỉ chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn đối với các khoản vay thông qua chuyển khoản số tiền tổng cộng là 350.000.000 đồng, nên số tiền lãi bị đơn trả dư 44.340.000 đồng (121.000.000 đồng - 76.660.000 đồng = 44.340.000 đồng), trừ vào nợ gốc (350.000.000 đồng - 44.340.000 đồng =305.660.000 đồng), thì số tiền gốc còn lại là 305.660.000 đồng.

Xét, thời gian đến hạn trả nợ đã lâu nên việc bà L đề nghị được trả 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng/tháng là không có căn cứ chấp nhận.

Chấp nhận yêu cầu của bà N yêu cầu Bà Nguyễn Thị N L trả cho bà N một lần toàn bộ số tiền gốc và lãi trên, ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật. Bà L còn phải trả lãi chậm trả theo quy định.

[3] Về ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa là có căn cứ và cũng phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn Bà Nguyễn Thị N L phải chịu án phí sơ thẩm đối với yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận với số tiền án phí 15.283.000 đồng; Nguyên đơn phải chịu án phí đối với yêu cầu không được chấp nhận (350.000.000 đồng + 5.834.500 đồng = 355.834.500 đồng) là 17.791.725 đồng, được cấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí 16.000.000 đồng mà bà N đã nộp theo Biên lai thu số 0077498 ngày 22/5/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Tân (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 9), Thành phố Hồ Chí Minh. Bà N còn phải nộp số tiền án phí là 1.791.725 đồng.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 93, 94, 95, Điều 147, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 357, Điều 463, Điều 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

1.1. Buộc Bà Nguyễn Thị N L phải trả cho Bà Trần H N số nợ vay là 305.660.000 (Ba trăm lẻ năm triệu sáu trăm sáu mươi nghìn) đồng. Trả một lần toàn bộ số tiền trên ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

1.2. Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ số tiền trên thì hàng tháng bên phải thi hành án phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành tại thời điểm thanh toán.

2. Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu Bà Nguyễn Thị N L trả số nợ vay 350.000.000 đồng và tiền lãi là 5.834.500 đồng theo Hợp đồng vay tiền lập ngày 24/02/2025 tại Văn phòng công chứng X, số công chứng 001607 Quyển số: 02/2025/TP/CC-SCC/HĐGD.

3. Về án phí: Bà Nguyễn Thị N L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 15.283.000 (Mười lăm triệu hai trăm tám mươi ba nghìn) đồng; Bà Trần H N phải chịu án phí là 17.791.725 (Mười bảy triệu bảy trăm chín mươi mốt nghìn bảy trăm hai mươi lăm) đồng, được cấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí 16.000.000 đồng mà bà N đã nộp theo Biên lai thu số 0077498 ngày 22/5/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Tân (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 9), Thành phố Hồ Chí Minh. Bà N còn phải nộp số tiền án phí là 1.791.725 (Một triệu bảy trăm chín mươi mốt nghìn bảy trăm hai mươi lăm) đồng.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- Đương sự;
- VKSND Khu vực 9 - TPHCM;
- THA DS TPHCM;
- Lưu: Văn thư, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Ngọc Hạnh**